

KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ TRƯỜNG MẦM NON – TẾT TRUNG THU
LỚP MẪU GIÁO GHEP 3, 4, 5 TUỔI
Thời gian thực hiện: Từ ngày 9/9/2024 – 27/09/2024

STT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Hoạt động
			Chung	Riêng	
1. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT					
a) Phát triển vận động					
1	3	- Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	3,4,5 tuổi: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang 2 bên - Lưng bụng, lườn: Cúi về phía trước, ngửa người ra sau		* HDH: Thể dục sáng Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang 2 bên - Lưng bụng, lườn: Cúi về phía trước, ngửa người ra sau - Chân: Ngồi xổm, đứng lên “Tập các động tác thể dục kết hợp bài hát: Thể dục buổi sáng. * Hoạt động chơi: Trò chơi: Gieo hạt, lộn cầu vòng...
2	4	- Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh	- Chân: Ngồi xổm, đứng lên		
3	5	- Trẻ thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp			
4	3	Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: ` Đi kiễng gót 3m	` Đi kiễng gót 3m		* Hoạt động học VD: B. Đi kiễng gót 3m N-L: Đi khuyu gối * Hoạt động chơi - Trò chơi VD: Ném vòng cổ Chai
5	4	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: ` Đi khuyu gối.	* 4,5 T: ` Đi khuyu gối.		
6	5	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: ` Đi khuyu gối.			
10	3	Trẻ có thể phối hợp tay-mắt trong vận động: ` Lăn bắt bóng với cô.	` Lăn bắt bóng với cô.		* Hoạt động học VD: B. Lăn bắt bóng với cô

11	4	Trẻ phối hợp tay- mắt trong vận động: ` Tung bóng lên cao và bắt bóng.			N-L: Tung bóng lên cao và bắt bóng * Hoạt động chơi - Trò chơi VĐ: Mèo và chim sẻ
12	5	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: ` Tung bóng lên cao và bắt bóng.			
13	3	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: ' Bò theo hướng thẳng	' Bò theo hướng thẳng		* Hoạt động học VĐ: B. Bò theo hướng thẳng
14	4	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m	Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m		N-L: Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-5m * Hoạt động chơi - Trò chơi VĐ: Dung dăng dung dẻ
15	5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: ` Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m	` Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m		
16	3	Trẻ thực hiện được các vận động: ` Xoay tròn cổ tay.	Quay ngón tay, cổ tay.		* Hoạt động học: - TDS: Tập gập đan các ngón tay vào nhau. Vò, xoắn, vặn búng ngón tay.
17	4	Trẻ biết thực hiện được các vận động: ` Cuộn - xoay tròn cổ tay.	` Vò, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nổi ...		Rèn luyện các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay * Hoạt động chơi: + Thực hành:
18	5	Trẻ biết thực hiện được các vận động: ` Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay.	` Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.		3t: Luyện tập gập đan các ngón tay vào nhau. 4t: Vò, xoắn, vặn búng ngón tay. 5t: Rèn luyện các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay trong phút thể dục tay sau giờ học tạo hình.
19	3	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay	* 4,5 tuổi	` Tự cài, cởi cúc.	* Hoạt động Chơi - HDG

		trong một số hoạt động: ` Tự cài, cởi cúc.	` Tô * 3,4,5		+ Góc kỹ năng 3t: Tập luyện cài, cởi cúc áo.
20	4	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: ` Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	tuổi ` Cài, cởi cúc. ` Xé, cắt(đường thẳng, đường vòng cung)	` Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	4,5t: Thực hiện cài, cởi cúc áo; Xâu, buộc dây giày. 5t: Rèn luyện kéo khoá áo, quần (phéc mơ tuya), luồn giày...
21	5	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: ` Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya).	` Xâu, buộc dây	` Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya).	- Hoạt động ngoài trời: + Sau khi chơi ngoài trời trẻ tự thay quần, áo, cài cởi cúc, thay giày dép...
b, Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe					
31	3	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: ` Rửa tay. ` Tháo tất, cởi quần áo...	' Tập rửa tay bằng xà phòng. ' Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu, ăn ngủ, vệ sinh.		* HD vệ sinh: ` Dạy KN rửa tay bằng xà phòng sau khi đi vệ sinh, chơi, trước khi ăn và khi tay bẩn. Sử dụng ca múc nước để dội sau khi đi vệ sinh.
32	4	Trẻ biết thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: ` Tự rửa tay bằng xà phòng. ` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	Tập đánh răng, lau mặt. ' Rèn luyện thao tác rửa tay với xà phòng. ' Đi vệ sinh đúng nơi quy định.		* Hoạt động chơi: - Góc kỹ năng: kỹ năng cài, cởi quần áo, tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để đúng nơi quy định. - Chơi ngoài trời : Sau giờ chơi ngoài trời trẻ tự cài, cởi quần áo, tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để đúng nơi quy định.
33	5	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản: ` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. ` Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch ` Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn	Tập luyện kỹ năng: Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. ' Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.		
34	3	` Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.			* HD ăn: - Trẻ biết dùng tay

35	4	` Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	* 3+4+5T: ` Tập/ luyện kỹ năng sử dụng đồ dùng ăn uống đúng cách, thành thạo	phải cầm thìa xúc ăn, tay trái giữ bát, ăn xong cất bát nhẹ nhàng vào rổ. *HD chơi: `GPV: Chơi gia đình: nấu ăn, ăn uống, bán hàng
36	5	` Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo		
37	3	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	* 3+4+5T: Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe: ` Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. ` Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. ` Uống nước đã đun sôi, không uống nước lã	*Hoạt động ăn: Trò chuyện với trẻ về một số hành vi tốt trong ăn uống: Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn, ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, không đùa nghịch khi ăn, không làm rơi vãi thức ăn, không uống nước lã...
38	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: ` Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ.		
39	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống: ` Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. ` Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường		
49	3	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: ` Không cười đùa trong khi ăn, uống ` Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	* 3,4,5 tuổi ` Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng. không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp...	* Hoạt động học: - Trong giờ đón trả trẻ: Trò chuyện về một số nội quy của lớp: Không tự ý đi về, không về theo người lạ, không tự ý ra khỏi trường khi chưa được phép của cô giáo, không nhận quà của người lạ. - Xem tranh ảnh về cách phòng tránh một số hành động nguy hiểm. Dạy trẻ biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy
50	4	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: ` Không cười đùa trong khi ăn, uống . ` Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.		
51	5	Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn		

		uống và phòng tránh: ` Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt để bọ hóc sặc...		máu. - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo
--	--	--	--	--

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

57		Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu về đồ dùng, đồ chơi: nhìn, nghe, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đồ dùng đồ chơi.	* 3,4,5 T: ` Đặc điểm nổi bật (3,4,5t)/ đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi (4,5t).		* Hoạt động học: ` KPKH: + Đồ dùng, đồ chơi của lớp. * HD chơi - HD chơi ngoài trời. - TCM: Đãi khăn, giúp cô tìm bạn
58		Trẻ có thể làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng có ở địa phương. Ví dụ: Chát tan, không tan.	* 4,5T: ` So sánh sự giống nhau và khác nhau (của 2-3 đồ dùng, đồ chơi 4t; của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng 5T).		* HD chơi: - HD chơi ngoài trời: ` QS: Cây hoa dứa cựa, cây hoa ngọc thảo, hoa mười giờ, thời tiết... ` Quan sát cầu trượt, xích đu ` Chơi với khu vực vận động. Làm đồ chơi từ nguyên vật liệu thiên nhiên. - Trò chuyện, xem tranh ảnh, video, vật thật, lô tô trong trường lớp mầm non.
59	3	Trẻ có khả năng thu thập thông tin về đồ dùng đồ chơi trong trường lớp mầm non bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đồ dùng đồ chơi gần gũi với trẻ			
60		Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đồ dùng đồ chơi được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.			

62		Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng có ở địa phương.			
63		Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán nội dung khám phá, kinh nghiệm trong cuộc sống thực tế của trẻ. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.			*Trải nghiệm: Chất tan và không tan - Thí nghiệm: Không khí có ở đâu, Pha nước chanh đường.
64	4	Trẻ có thể thu thập thông tin về đồ dùng đồ chơi trong trường, lớp mầm non bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện về đồ dùng đồ chơi trong trường, lớp mầm non gần gũi với trẻ.			
65		Trẻ có thể nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của đồ dùng đồ chơi được quan sát gần gũi với trẻ.			
67	5	Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét và thảo luận về đặc điểm của đối tượng gần gũi xung quanh trẻ.			
69		Trẻ biết thu thập thông tin về đồ dùng đồ chơi bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh			
					* Hoạt động chơi + Góc học tập: Cho trẻ tự xem sách, tranh ảnh về đồ dùng đồ chơi trong lớp

		ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận về đồ dùng đồ chơi có ở địa phương.			
70		Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát về đối tượng gần gũi với trẻ.			
71	3	Trẻ có thể phân loại các đồ dùng đồ chơi của lớp theo một dấu hiệu nổi bật.	` Phân loại đồ dùng, đồ chơi (theo một dấu hiệu nổi bật ; 1 - 2; 2 - 3 dấu hiệu)		* HD chơi: - Trò chơi: Ai chọn giỏi - Trò chơi: Tìm đối tượng không cùng loại...
72	4	Trẻ biết phân loại các đồ dùng đồ chơi của lớp theo một hoặc hai dấu hiệu.			
73	5	Trẻ biết phân loại đồ dùng đồ chơi của lớp (có ở địa phương) theo những dấu hiệu khác nhau.			
75	3	Trẻ có thể nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của đồ dùng đồ chơi gần gũi, quen thuộc khi được hỏi.	` Mối liên hệ đơn giản giữa đồ dùng đồ chơi quen thuộc với môi trường sống		* Hoạt động chơi: - Chơi ngoài trời: Quan sát đồ chơi trong sân trường
76	4	Trẻ biết nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của đồ dùng đồ chơi gần gũi với trẻ.	` Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.		
77	5	Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của đồ dùng, đồ chơi gần gũi với trẻ.			
80	3	Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	Thực hiện thông qua các		* Hoạt động chơi - Trò chơi: Đây là đồ dùng, đồ chơi gì?
81	4	Trẻ biết thể hiện một số			- Hoạt động góc

		hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	nội dung giáo dục của hoạt động vui chơi, âm nhạc, tạo hình.	- Góc âm nhạc: Hát các bài hát nói về đồ dùng đồ chơi - Góc tạo hình vẽ, tô màu đồ dùng đồ chơi...
82	5	Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...		

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

83		Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	* 3, 4,5 T: ` Đếm trên đối tượng/đếm trong phạm vi (5) và đếm theo khả năng.	1 và nhiều.	* HD học: B: Một và nhiều. N: Ôn nhận biết số lượng trong phạm vi 5 L: Ôn nhận biết số lượng, chữ số trong phạm vi 5 * Hoạt động chơi: Chơi ngoài trời: Đếm đồ dùng, đồ chơi trong sân trường, lớp học của bé. * Hoạt động chơi + TC: Tôi đứng thứ mấy? + Về đúng nhà + Ai đếm nhanh
84	3	Trẻ có khả năng đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm			
85		Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.			
86		Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...			
87	4	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 5.			
88		Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.			
89	5	Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...			
90		Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và			

		đếm theo khả năng.		
91		Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.		Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan
92	4	Trẻ có thể sử dụng các số từ 1 để chỉ số lượng, số thứ tự.	` Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi (5)	
93	5	Trẻ nhận biết các số từ 5 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.		

C) Khám phá xã hội

128	3	Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	" Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. ' Tên đồ dùng, đồ chơi của lớp các hoạt động của trẻ ở trường mầm non Xã Pa Thom.	<p>* HĐ học: KPXH: + Trường mầm non của bé. - Trò chuyện với trẻ về tên, địa chỉ của trường lớp, họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường, ` Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường... - Cho trẻ xem một số hoạt động, hình ảnh ngày hội đến trường qua tranh ảnh</p> <p>* Hoạt động chơi Tc: Thi xem đội nào nhanh. - Dạo chơi quanh sân trường, lớp học</p>
129		Trẻ nói đúng tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	" Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các bác ở trường (điểm trường). " Các hoạt động của trẻ ở trường, lớp.	
130	4	Trẻ nói được tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.		
131		Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.		
132	5	Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	` Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; công việc của các cô bác	
133		Trẻ nói được tên, công		

		việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường (điếm trường) khi được hỏi, trò chuyện.	trong trường (điếm trường) " Đặc điếm, sở thích của các bạn (ăn uống, khả năng của bản thân...); Các hoạt động của trẻ ở trường, lớp.	
134		Trẻ nói được họ tên và đặc điếm của các bạn trong lớp, khi được hỏi, trò chuyện.		
138	3	Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu) qua trò chuyện, tranh ảnh.	Ngày lễ hội (Ngày khai giảng, Tết Trung thu)	<p>* HD học: KPXH: + Trò chuyện về ngày tết trung thu</p> <p>* Hoạt động đón, trả trẻ - Trò chuyện với trẻ, cho trẻ xem tranh ảnh về ngày mừng 2/9 ngày quốc khánh, ngày khai giảng, tết trung thu</p> <p>* Hoạt động chơi: Trải nghiệm làm bánh trung thu</p>
140	4	Trẻ biết kể tên và nói đặc điếm của một số ngày lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu		
142	5	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả bản em treo cờ	Ngày lễ hội (Ngày khai giảng, Tết Trung thu)	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
147	3	Trẻ có khả năng hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: đồ dùng(đồ dùng nhà bếp, đồ dùng học tập...) đồ chơi(đồ chơi trong lớp, đồ chơi ngoài trời...)	` Hiểu các từ tên gọi đồ dùng, đồ chơi, gần gũi, quen thuộc	<p>* HD học: - Tăng cường TV: - Xếp hàng, vào lớp, mời cô, Xích đu, sân trường, vệ sinh, Cái thước, cái vòng, viên phấn, tết trung thu, đèn ông sao, bánh trung thu....</p> <p>*HD chơi - TCM: Truyền tin</p>
148	4	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: đồ dùng(đồ dùng nhà bếp, đồ dùng học tập...) đồ chơi(đồ chơi trong lớp, đồ chơi ngoài trời...)	` Hiểu các từ chỉ đặc điếm, tính chất, công cụ và các từ biểu cảm.	
149	5	Trẻ có khả năng hiểu		

		nghĩa từ khái quát: đồ dùng(đồ dùng nhà bếp, đồ dùng học tập...) đồ chơi(đồ chơi trong lớp, đồ chơi ngoài trời...)	` Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.	
153		Trẻ có khả năng nói rõ các tiếng		* HD học: - Trẻ phát âm và hiểu nghĩa của từ: Trắng sáng, trắng tròn, lơ lửng, trắng khuyết,
154	3	Trẻ có thể sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	` Phát âm các tiếng (của tiếng việt; 4T có chứa các âm khó; 5T có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu).	
155		Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.		
156	4	Trẻ có thể sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...		
158	5	Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh.		
159	3	Trẻ có khả năng sử dụng được câu đơn, câu ghép.		Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn (câu đơn mở rộng: câu đơn ghép)
160	4	Trẻ có thể sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.		
161	5	Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu đơn ghép khác nhau.	
165	3	Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao của địa phương, mang đặc trưng của địa phương.	` Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi ` Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ,	* HD học + Thơ: Trắng sáng * HD ngữ - Nghe một số bài thơ, câu chuyện, ca dao đồng dao về chủ đề: Thơ: Mẹ và cô, Truyện: Bạn mới... Ca
166	4	Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa		
167		Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa		

		tuổi của trẻ.	câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.		dao, đồng dao: Chi chi chành chành, chú cuội ngồi gốc cây đa...
168	5	Trẻ biết đọc diễn cảm bài thơ, cao dao, đồng dao..	` Đọc thơ, cao dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.		
179	3	Trẻ biết sử dụng các từ: "Vâng ạ" "Dạ"; "Thưa"...trong giao tiếp	` Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép		* HD chơi ` Trò chuyện, xem tranh ảnh, video...có sử dụng các từ lễ phép * Hoạt động ăn: ` Mời cô, mời bạn khi ăn cơm
180	4	Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.			
181	5	Trẻ biết sử dụng các từ: " cảm ơn"; "Xin lỗi"; "Xin phép"; " Thưa"; "Dạ"; " Vâng"...phù hợp với tình huống.	" Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.		
191	4	Trẻ có thể nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..	* 3,4,5 tuổi ` Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong Trường mầm non (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm...)		* HD vệ sinh - Trò truyện với trẻ về một số ký hiệu trong trường MN như: lối ra nhà vệ sinh, khu vệ sinh nam, nữ, ký hiệu tử cá nhân, cốc uống nước, khăn lau mặt, bảng bé ngoan ...
192	5	Trẻ có khả năng nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa...			
195	4	Trẻ biết nhận dạng 1-3 chữ cái o,ô,ơ.	` Tập tô, tập đồ các nét chữ. ` Nhận dạng chữ cái (4 tuổi nhận biết 1-3 chữ cái o,ô,ơ; 5t nhận biết các chữ cái o,ô,ơ).		* HD học: - LQCC: o, ô, ơ - LQCV: Tập tô chữ cái: o, ô, ơ * HD chơi: Tô màu chữ cái o,ô,ơ
196	5	Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.		` Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	
197		Trẻ biết nhận dạng các chữ cái: o,ô,ơ trong bảng chữ cái tiếng việt.			
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội					
208		Trẻ cố gắng tự hoàn	` Chủ động và độc lập		Hoạt động lao động

	5	thành công việc được giao.	trong một số hoạt động. " Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến.	- Trẻ Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).
209		Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (Vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)	Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)	- Tự làm một số việc đơn giản hàng ngày như :vệ sinh cá nhân, thay quần áo, chải tóc.
229	3	Trẻ có khả năng thực hiện được một số quy định ở lớp:Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời cô giáo	* 3, 4, 5T: ` Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ)	*Hoạt động chơi - Góc PV: Lớp học, cô giáo, bán hàng... - Sắp xếp, cất đồ chơi sau khi chơi. - Trò chuyện với trẻ khi đón trẻ, trả trẻ, lồng ghép vào các hoạt động
230	4	Trẻ có khả năng thực hiện được một số quy định ở lớp: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời cô giáo		
231	5	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp. Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, vâng lời cô giáo, muốn đi chơi phải xin phép.		
232	3	Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở	` Cử chỉ, lời nói lễ phép (Chào hỏi, cảm ơn).	* Hoạt động học: - Kỹ năng sống: Kỹ năng chào hỏi, lễ phép...
233	4	Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép		- Giờ đón, trả trẻ: Dạy trẻ chào cô, chào các bạn khi đến lớp và khi ra về..
234	5		` Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép (lịch sự 5T)	
235	3	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói	` Lắng nghe khi cô, bạn nói	* Hoạt động vệ sinh: - Biết xếp hàng khi rửa tay
236	4			* Hoạt động ăn trực nhật (Kê bàn ghế ăn, sắp xếp đồ dùng đồ
237	5	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời	` Lắng nghe ý kiến của người khác	

		người khác.			chơi,...)
238	3	Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	` Chơi hòa thuận với bạn.		- Lòng ghép nội dung học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh: Dạy trẻ chơi đoàn kết, biết chờ đến lượt
239	4	Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn cùng thực hiện hoạt động chung (Chơi, trực nhật..)	` Quan tâm giúp đỡ bạn (Chia sẻ 5T)	Hợp tác với bạn	
240	5	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.			
241	4	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	` Chờ đến lượt.		
242	5	Trẻ biết chờ đến lượt.			
249	3	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	" Giữ gìn vệ sinh môi trường.		* Hoạt động lao động: - Nhặt lá rơi trên sân trường * Hoạt động vệ sinh: - Sau khi ăn xong bỏ rác vào đúng nơi quy định(ăn sáng, quà chiều).
250	4				
251	5				
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ					
261	3	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. thích nghe đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	` Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca)		* HD học: - Nghe hát: Em yêu trường em, ngày đầu tiên đi học, chiếc đèn ông sao - Đọc đồng dao: Chi chi chành chành, Thằng bờm.. * Hoạt động chơi: - Góc nghệ thuật: bé tập làm ca sĩ
262	4	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	` Nghe và nhận ra/ nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca/		
263	5	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc		` Nghe và nhận ra sắc	

		(hát theo, nhún nhảy, lắc lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	5T: nhạc cổ điển)	thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	
264	3	Trẻ có khả năng hát tự nhiên, hát được giai điệu bài hát quen thuộc.	3-4-5T: Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát 4-5T: Thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát		*HD Học: Âm nhạc + DH: Trường chúng cháu là trường mầm non + DH: Rước đèn dưới ánh trăng
265	4	Trẻ có khả năng hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...			
266	5	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...			
267	3	Trẻ có khả năng vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	*3,4,5T: " Vận động theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc (đơn giản; 4+5T nhịp nhàng " Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. (4,5T theo tiết tấu).		HDH: Âm nhạc: + VĐMH: Vui đến trường
268	4	Trẻ có thể vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).			
269	5	Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).			
270	3	Trẻ có khả năng sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	` Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.		*Hoạt động chơi + CNT: nhặt hoa, lá làm đồ chơi, + Góc tạo hình: Làm

271	4	Trẻ có thể phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	` Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.	dây hoa trang trí lớp, trang trí đồ chơi, làm tranh trang trí lớp học...
272	5	Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	` Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.	
273	3	Trẻ có kỹ năng vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.	` Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm (3T đơn giản, 4T có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét)	* HD học + Tạo hình: Vẽ con đường tới lớp * HD Chơi + Góc tạo hình: Vẽ con đường tới lớp, vẽ lớp học của bé... * Chơi ngoài trời: Vẽ tự do trên sân trường
274	4	Trẻ có kỹ năng vẽ phối hợp được các nét xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.		
275	5	Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	
279	3	Trẻ có kỹ năng lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	` Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm (3T đơn giản, 4T có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét)	* HD học + Tạo hình: Nặn các loại bánh * HD chơi: Nặn đồ chơi, nặn bánh..
280	4	Trẻ có kỹ năng làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết		
281	5	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.		
282	3	Biết biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	` Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm (3T đơn giản, 4T có	* Hoạt động chơi + GXD: Lắp ghép, xếp hình,.. - Chơi tự do ở các góc - Chơi ngoài trời: xếp
283	4	Trẻ biết phối hợp các kỹ		

		năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét)	sỏi, đá, hạt, lá, hoa...
284	5	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	

* Tổng số MT thực hiện trong chủ đề: 3 tuổi : 40 MT, 4 tuổi: 46 MT, 5 tuổi : 48 MT

Người lập

Ban giám hiệu ký duyệt

Lò Thị Minh

Nguyễn Hồng Vân